

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CHI CỤC KIỂM LÂM VÙNG

(Kèm theo Thông báo số 5996 /TB-BNN-TCCB ngày 01 / 9 / 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. CHI CỤC KIỂM LÂM VÙNG I									
1	Trần Thị Tư	Nữ	01/11/1991	39	Quản lý bảo vệ rừng; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	65.5		65.5	Trúng tuyển
2	Nguyễn Trọng Việt	Nam	03/9/1993	41	Quản lý Nghiệp vụ kiểm lâm; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	67.0		67.0	Trúng tuyển
3	Phạm Văn Bình	Nam	04/7/1982	3		67.5		67.5	Trúng tuyển
4	Vũ Đại	Nam	18/9/1984	11	Kiểm lâm cơ động; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	74.5	2.5	77.0	Trúng tuyển
5	Lương Văn Huân	Nam	10/10/1981	19		78.5	5.0	83.5	Trúng tuyển
6	Nguyễn Văn Dũng	Nam	16/9/1983	8		69.5		69.5	Trúng tuyển
7	Vũ Quyền	Nam	04/11/1992	31		68.0		68.0	Trúng tuyển
8	Trần Quang The	Nam	01/02/1971	45	Kiểm lâm cơ động; Ngạch Kiểm lâm viên trung cấp (mã số ngạch 10.228)	66.5		66.5	Trúng tuyển
9	Lê Xuân Thương	Nam	22/6/1978	46		61.5		61.5	Trúng tuyển
10	Vũ Đức Hiếu	Nam	07/11/1986	43		65.0		65.0	Trúng tuyển

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Trần Đức Chính	Nam	01/5/1987	5	Hành chính, tổng hợp; Ngạch Chuyên viên (mã số ngạch 01.003)	84.5		84.5	Trúng tuyển
12	Hoàng Duy Tùng	Nam	19/8/1991	40	Quản trị công sở; Ngạch Chuyên viên (mã số ngạch 01.003)	85.0		85.0	Trúng tuyển
II. CHI CỤC KIỂM LÂM VÙNG II									
13	Nguyễn Khắc Minh	Nam	05/02/1980	27	Quản lý nghiệp vụ kiểm lâm; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	65.0		65.0	Trúng tuyển
14	Đỗ Thị Duyên	Nữ	08/4/1978	10		69.0		69.0	Trúng tuyển
15	Đỗ Ngọc Nam	Nam	20/7/1984	28	Kiểm lâm cơ động; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	79.5	5.0	84.5	Trúng tuyển
16	Bùi Văn Vũ	Nam	18/12/1977	42		63.5	5.0	68.5	Trúng tuyển
17	Vũ Mạnh Hùng	Nam	28/04/1979	20		77.5	7.5	85.0	Trúng tuyển
18	Lê Kim Ly	Nam	10/10/1970	25		78.0		78.0	Trúng tuyển
19	Đặng Văn Thành	Nam	19/01/1969	44	Kiểm lâm cơ động; Ngạch Kiểm lâm viên trung cấp (mã số ngạch 10.228)	65.0	2.5	67.5	Trúng tuyển
20	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	20/8/1985	17	Tổ chức, nhân sự; Ngạch Chuyên viên (mã số ngạch 01.003)	78.5		78.5	Trúng tuyển
21	Hoàng Văn Tuyên	Nam	28/01/1971	47	Nhân viên (mã số ngạch 01.005)	84.0		84.0	Trúng tuyển

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
III. CHI CỤC KIỂM LÂM VÙNG III									
22	Phạm Thị Thanh Hải	Nữ	20/10/1989	15	Quản lý bảo vệ rừng; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	65.5		65.5	Trúng tuyển
23	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	04/12/1988	36	Quản lý nghiệp vụ Kiểm lâm; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	66.0	5.0	71.0	Trúng tuyển
24	Nguyễn Bá Ngọc	Nam	08/8/1975	29	Kiểm lâm cơ động; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	79.5	5.0	84.5	Trúng tuyển
25	Nguyễn Đình San	Nam	23/05/1986	32		65.0		65.0	Trúng tuyển
26	Vũ Dũng Hiếu	Nam	02/9/1979	16		77.0		77.0	Trúng tuyển
27	Hoàng Thị Loan	Nữ	06/01/1987	23		79.5		79.5	Trúng tuyển
28	Lê Đình Cường	Nam	10/5/1985	6	Hành chính, tổng hợp; Ngạch Chuyên viên (mã số ngạch 01.003)	83.5	2.5	86.0	Trúng tuyển
29	Nguyễn Kim Loan	Nữ	10/3/1972	24	Quản trị công sở; Ngạch Chuyên viên (mã số ngạch 01.003)	84.0		84.0	Trúng tuyển
IV. CHI CỤC KIỂM LÂM VÙNG IV									
30	Vy Thị Ngọc Anh	Nữ	13/02/1991	1	Quản lý bảo vệ rừng; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	65.0	5.0	70.0	Trúng tuyển
31	Nguyễn Tuấn Sơn	Nam	20/6/1991	34	Quản lý nghiệp vụ Kiểm lâm; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	65.5		65.5	Trúng tuyển

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Vị trí tuyển dụng	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	Trần Văn Hà	Nam	19/9/1990	14	Kiểm lâm cơ động; Ngạch Kiểm lâm viên (mã số ngạch 10.226)	79.5		79.5	Trúng tuyển
33	Lương Thế Phương	Nam	29/8/1989	30		75.5		75.5	Trúng tuyển
34	Đoàn Tam Điệp	Nam	22/02/1978	12		81.0		81.0	Trúng tuyển
35	Nguyễn Đức Minh	Nam	07/8/1991	26		79.0		79.0	Trúng tuyển
36	Nguyễn Phi Hùng	Nam	14/3/1991	21		76.0		76.0	Trúng tuyển
37	Nguyễn Văn Hòa	Nam	18/5/1976	18		65.0		65.0	Trúng tuyển
38	Trần Anh Tú	Nam	22/02/1991	38		65.0		65.0	Trúng tuyển
39	Đặng Thế Huy	Nam	10/6/1989	22		79.0		79.0	Trúng tuyển
40	Nguyễn Văn Dương	Nam	22/02/1990	9		74.5		74.5	Trúng tuyển
41	Lục Toàn Dân	Nam	14/3/1986	7		71.0	5.0	76.0	Trúng tuyển
42	Lê Thị Thanh Bình	Nữ	02/02/1990	2	Kế toán; Ngạch Kế toán viên (mã số ngạch 06.031)	92.0		92.0	Trúng tuyển
43	Lại Thị Gấm	Nữ	01/7/1979	13	Quản trị công sở; Ngạch Chuyên viên (mã số ngạch 01.003)	77.5		77.5	Trúng tuyển
44	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Nữ	19/12/1990	4		82.0		82.0	Trúng tuyển
45	Đỗ Ngọc Trường	Nam	10/10/1992	37	Tổ chức nhân sự; Ngạch Chuyên viên (mã số ngạch 01.003)	81.0		81.0	Trúng tuyển
46	Vũ Cao Sơn	Nam	05/9/1986	33	Hành chính, tổng hợp; Ngạch Chuyên viên (mã số ngạch 01.003)	84.0	5.0	89.0	Trúng tuyển
47	Nguyễn Quang Thịnh	Nam	18/7/1989	35		90.0		90.0	Trúng tuyển